

Tác động của ODA đến thu hút FDI của Hàn Quốc và thương mại song phương Việt - Hàn

HOÀNG HẢI*
LƯU QUÝ NHÂN**
VŨ THỊ MINH NGỌC***

Tóm tắt

Việt Nam là đối tác hàng đầu trong tiếp nhận vốn ODA của Hàn Quốc. Trong bối cảnh Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường hợp tác thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, dòng vốn và dòng hàng hóa luân chuyển giữa hai nước thời gian qua tăng lên đáng kể. Vậy, có sự tác động nào từ ODA đến FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam và tác động đến xuất - nhập khẩu (XNK) giữa Hàn Quốc và Việt Nam hay không? Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy đánh giá tác động của ODA đến FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam và đến XNK của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy ODA có tác động tích cực đến việc thu hút vốn FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam và làm tăng kim ngạch XNK giữa Hàn Quốc và Việt Nam.

Từ khóa: ODA, FDI, thương mại song phương, Hàn Quốc, Việt Nam

Summary

Vietnam is among the top partners received Korea's ODA. Capital flows and flows of goods have been increased since the conclusion of multinational and bilateral free trade agreement between the two countries. So, we wonder whether Korea's ODA creates an impact on FDI attraction from Korean enterprises into Vietnam and Vietnam - Korea bilateral trade. By least squares model, we can find that ODA from Korea makes a positive influence on increasing Korean FDI into Vietnam and boosting export-import between aforementioned nations.

Keywords: ODA, FDI, bilateral trade, Korea, Vietnam

GIỚI THIỆU

Từ năm 1991 đến năm 2016, vốn ODA của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng khá nhanh, nhất là giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2016, giá trị vốn ODA mà Hàn Quốc cung cấp cho Việt Nam luôn ở mức trên 100 triệu USD cấp mới mỗi năm, thậm chí đạt mức kỷ lục là trên 300 triệu USD vào năm 2009, gấp gần 6 lần so với mức cao nhất của giai đoạn từ 1991-2006 (đạt trên 53 triệu USD vào năm 1995). Cùng thời kỳ với ODA, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam và tổng kim ngạch XNK hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc cũng có sự tăng trưởng vượt bậc từ mức 36 triệu USD vốn FDI của Hàn Quốc và 240 triệu USD kim

ngạch XNK song phương vào năm 1991, đến năm 2007, các giá trị tương ứng đạt 6.8 tỷ USD và 7.15 tỷ USD. Vấn đề đặt ra là liệu việc tăng trưởng FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam và giá trị XNK hai chiều có chịu sự tác động từ vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức mà Chính phủ Hàn Quốc đã cấp cho Việt Nam? Bài nghiên cứu của nhóm tác giả sẽ tập trung để làm rõ các tác động nếu có từ ODA đến FDI của Hàn Quốc và XNK song phương Việt Nam - Hàn Quốc. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa việc thu hút nguồn vốn FDI và gia tăng giá trị XNK giữa Việt Nam - Hàn Quốc.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Về tác động của ODA đến FDI: Nhiều tác giả cho

* ThS., ** Trường Đại học Ngoại thương | Email: hoanghaiftu81@gmail.com

*** TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Ngày nhận bài: 15/09/2017; Ngày phản biện: 2/10/2017; Ngày duyệt đăng: 18/10/2017

rằng ODA có tác động tích cực đến thu hút FDI, như: Yasin, M. (2005), Kimura, H., & Todo, Y. (2010) với mô hình trọng lực với dữ liệu chéo, Kang, S. J., Lee, H., & Park, B. (2011) sử dụng mô hình trọng lực với các nghiên cứu về quan hệ song phương của Hàn Quốc với các quốc gia khác, Selaya, P., & Sunesen E. R. (2012) sử dụng mô hình lý thuyết và thực nghiệm trong các ngành khác nhau. Hang Pham (2015) lại cho rằng ODA có tác động tích cực đến thu hút FDI ở Việt Nam, nhưng là trong dài hạn.

Bên cạnh đó, cũng có nhiều tác giả cho rằng ODA không có tác động đến thu hút FDI của một quốc gia. Karakaplan, Neyapti và Sayek (2005) (sử dụng mô hình hồi quy ước lượng cho thấy ODA có tác động không đáng kể đến FDI do thiếu các yếu tố từ chính sách của chính phủ và thị trường tài chính). Kosack, S., & Tobin, J. (2006) và Jansky, P. (2012) đều cho rằng viện trợ và FDI không phải là sự thay thế hay bổ sung, mặc dù ODA và FDI đều có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các nước.

Đối với tác động của ODA đến XNK: Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động thuận chiều của ODA đến thương mại quốc tế song phương, như Cali, M. and D.W. te Velde (2010) sử dụng mô hình trọng lực cho thấy ODA tác động tích cực đến XNK ở các nước châu Phi hoàn toàn là do việc tăng đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế tạo nên. Basnett, et al. (2012) và Helble, M., C. Mann and J. Wilson (2012) lại cho rằng ODA tác động tích cực đến XNK thông qua việc làm giảm chi phí thương mại. WTO (2013) cũng nhận định rằng viện trợ cho thương mại dưới các hình thức khác nhau hướng tới các nước có thu nhập thấp đặc biệt hữu ích trong việc thúc đẩy thương mại.

Phương pháp nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp hồi quy với chuỗi thời gian để nghiên cứu tác động của ODA từ Hàn Quốc đến thu hút FDI của Hàn Quốc trong bối cảnh Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường mối quan hệ kinh tế thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Dựa vào các cơ sở lý thuyết trên, nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như sau:

(1) Mô hình tác động của ODA đến FDI của Hàn Quốc đến Việt Nam

$$D[\ln] [(KFDI)] = c + \beta_1 D[\ln(\text{ToGDP})] + \beta_2 D[\ln(\text{KODA})] + U_1$$

(2) Mô hình tác động của ODA đến XNK song phương Việt Nam - Hàn Quốc

$$D[\ln] [(KVEXIM)] = c + \beta_1 D[\ln(\text{GDP})] + \beta_2 D[\ln(\text{KODA})] + \beta_3 D[\ln(\text{KFDI})] + U_1$$

Trong đó:

- Các biến phụ thuộc:

+ $D[\ln(\text{KFDI})]$ là tăng trưởng vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam. Biến này được biểu diễn dưới dạng sai phân bậc nhất của logarit để đánh giá tác động tương đối của các biến đến sự tăng trưởng của FDI.

+ Biến phụ thuộc $D[\ln] [(KVEXIM)]$ thể hiện tốc độ tăng kim ngạch XNK của Hàn Quốc và Việt Nam trong một năm

- Các biến độc lập:

+ $D[\ln(\text{ToGDP})]$ là độ mở của nền kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc được đo bằng tỷ lệ XNK của Hàn Quốc và Việt Nam/GDP của Việt Nam trong cùng một năm. Biến này cũng thể hiện tác động của các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc (AKFTA, VKFTA) tới khả năng thu hút FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam.

+ $D[\ln(\text{KODA})]$ thể hiện tốc độ tăng trưởng vốn ODA từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong một năm.

+ $D[\ln(\text{GDP})]$ thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong một năm.

+ $D[\ln(\text{KFDI})]$ là tăng trưởng vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong một năm.

Việc lấy sai phân và lấy logarit để đảm bảo tất cả các biến là chuỗi dừng, đảm bảo kết quả phân tích có ý nghĩa hơn và là kết quả của sự lựa chọn giữa các mô hình, tránh hiện tượng hồi quy giả mạo.

Các biến được đưa vào mô hình đều được yêu cầu là biến dừng với mức ý nghĩa 10%. Các biến có thể đưa vào dưới dạng biến trễ do trên thực tế, các biến kinh tế vĩ mô thường mất một khoảng thời gian nhất định để thể hiện tác động tới biến phụ thuộc. Đối với mức ý nghĩa của hệ số hồi quy các biến độc lập, trong lĩnh vực kinh tế thường yêu cầu là không vượt quá 5%. Tuy nhiên, trên thực tế, mức ý nghĩa này có thể được chấp nhận ở 10%, 15% hoặc cao hơn. Vì mỗi mô hình sẽ có những khuyết tật nhất định, có thể đến từ thiếu, thừa biến quan trọng hoặc các biến lẫn át tác động của nhau. Và việc tìm đủ các biến để đưa vào mô hình đánh giá tác động trong kinh tế vĩ mô là rất khó khăn, thứ nhất do các biến vĩ mô chịu tác động từ rất nhiều yếu tố, thứ hai nguồn số liệu là thứ cấp nên không thể đảm bảo có đủ số liệu cho biến được lựa chọn, cần chọn một biến khác có tính chất tương tự để thay thế cho biến đó. Giá trị P - value tương ứng với các biến trong mỗi mô hình nếu nhỏ hơn 1% thì được đánh ba dấu ***, nếu lớn hơn 1% và nhỏ hơn 5% thì được đánh hai dấu **, nếu lớn hơn 5% và nhỏ hơn 10% được đánh một dấu *, nếu lớn hơn 10% không được đánh dấu *.

Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp, được lấy từ nhiều nguồn tin cậy khác nhau, trong giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2016. Cụ thể, với các dữ liệu về

ODA Hàn Quốc cung cấp cho Việt Nam, các tác giả tính toán từ nguồn dữ liệu của KOICA (2016) và EDCF Hàn Quốc (2016). Các dữ liệu về GDP được lấy từ nguồn của Ngân hàng Thế giới (WB). Dữ liệu về FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam được thu thập trên cơ sở dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam. Dữ liệu về XNK của Việt Nam và Hàn Quốc được thu thập dựa trên cơ sở dữ liệu của Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA).

Dựa trên các dữ liệu thu thập được, nhóm tác giả sử dụng phần mềm Eviews8 để chạy các mô hình tác động. (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

(1) Tác động của ODA đến thúc đẩy FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam

Trong nghiên cứu của mình, nhóm tác giả sử dụng biến $D[\ln(KODA)]$ ở độ trễ 1 trong mô hình hồi quy.

Bên cạnh đó, FDI cũng chịu ảnh hưởng từ việc ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương (AKFTA và VKFTA) giữa Việt Nam và Hàn Quốc, trong đó bao gồm các quy định về vấn đề đầu tư và thương mại. Biến $D[\ln(ToGDP)]$ được sử dụng nhằm mục đích đánh giá tác động của độ mở trong thương mại giữa Hàn Quốc và Việt Nam đến FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam.

Kết quả đánh giá tác động của tăng trưởng vốn ODA từ Hàn Quốc đến tăng trưởng FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam như sau:

$$D[\ln(KFDI)] = -0.09474 + 2.280149 \cdot D[\ln(ToGDP)] + 0.2424 \cdot D[\ln(KODA_{t-1})]$$

Qua kết quả trên có thể thấy tăng trưởng vốn ODA từ Hàn Quốc trong năm trước có thể ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng vốn FDI của các doanh nghiệp Hàn Quốc vào Việt Nam trong những năm sau.

Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do có tác động kích thích đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam ở mức cao hơn so với tác động của vốn ODA. Kết luận này có tính yếu do biến độ mở trong thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc chỉ có ý nghĩa thống kê ở mức 17.5%.

(2) Tác động của ODA đến tăng trưởng XNK song phương giữa Hàn Quốc và Việt Nam

BẢNG: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐẦU TƯ ODA TỪ HÀN QUỐC ĐẾN TĂNG TRƯỞNG THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Dependent Variable: D[Ln(KVEXIM)]	
Method: Least Squares	
Variable	Từ năm 1992 đến 2016
D[Ln(KODA)]	0.040983 [0.023048]*
D[Ln(KFDI)]	0.082081 [0.032174]**
D[Ln(GDP)]	0.74674 [0.44126]*
C	0.088898
Number of observations (after adjustments)	25
Adjusted R2	0.321552

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Nguồn vốn ODA từ Hàn Quốc tập trung vào các lĩnh vực, như: phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nghề, xây dựng bệnh viện, trường học... Các dự án này góp phần làm cải thiện môi trường sống, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Việt Nam, qua đó kích thích hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Hàn Quốc sang Việt Nam.

Bên cạnh tác động của ODA, việc tăng thu hút FDI cũng sẽ kéo theo việc nhập khẩu từ Hàn Quốc các mặt hàng phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất tại Việt Nam, đồng thời cũng làm tăng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc và ra nước ngoài thông qua các hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp FDI Hàn Quốc tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng có thể viết lại như sau:

$$D[\ln(KVEXIM)] = 0.088898 + 0.74674 \cdot D[\ln(GDP)] + 0.040983 \cdot D[\ln(KODA)] + 0.082081 \cdot D[\ln(KFDI)]$$

Từ kết quả trên, có thể thấy cả ba yếu tố vốn ODA, FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam và tăng trưởng GDP của Việt Nam là các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng XNK giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Song tác động của GDP là mạnh nhất và tác động của ODA đến hoạt động XNK Việt Nam - Hàn Quốc là tích cực, nhưng không đáng kể và là yếu tố tác động ít nhất đến XNK song phương giữa hai nước.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thông qua hai mô hình nghiên cứu trên, có thể thấy ODA đều có tác động tích cực đến các yếu tố kinh tế vĩ mô như FDI của Hàn Quốc và tăng trưởng XNK hai chiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Tuy nhiên, tác động của ODA đến tăng thu hút vốn FDI Hàn Quốc là rõ ràng hơn so với tăng trưởng XNK song phương Việt - Hàn. Điều này cho thấy, Nhà nước cần có các giải pháp sử dụng vốn ODA từ Hàn Quốc một cách có hiệu quả, nhằm cải thiện hơn nữa môi trường kinh tế. Theo nhóm tác giả các giải pháp nhà nước cần thực hiện:

Thứ nhất, ổn định nền kinh tế chính trị và xã hội thông qua việc hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tăng thu hút vốn FDI từ Hàn Quốc. Bên cạnh đó, sự ổn định và tăng trưởng về kinh tế cũng sẽ góp phần tạo

niềm tin đối với chính phủ và các tổ chức nước ngoài, bao gồm cả Hàn Quốc về hiệu quả thực hiện của các nguồn vốn ODA.

Thứ hai, tăng cường thu hút vốn ODA theo hướng xanh, nghĩa là làm gia tăng các dự án ODA trong lĩnh vực về môi trường, trong đào tạo các chuyên gia kỹ thuật ở một số ngành. Việc tăng ODA có thể kéo theo các dự án đầu tư trực tiếp của tư nhân đến Việt Nam, đồng thời có thể ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của Việt Nam.

Thứ ba, tăng cường quản lý, giám sát việc thực hiện các dự án ODA, đặc biệt là các dự án ODA về giao thông, do các dự án này thường bị kéo dài và vướng mắc ở các khâu như giải phóng mặt bằng, dẫn tới chậm tiến độ, làm tăng chi phí và giảm hiệu quả của dự án. Điều này cũng ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp Hàn Quốc trên thị trường Việt Nam.

Thứ tư, tăng cường cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong các dự án BOT, BTO, BT có sử dụng vốn ODA,

nhằm giảm thiểu thất thoát về chi phí, thực sự đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, qua đó khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Hàn Quốc đến đầu tư tại Việt Nam; đồng thời cũng làm gia tăng kim ngạch thương mại hai chiều, nhất là làm gia tăng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc.

Thứ năm, xây dựng mối quan hệ tin cậy giữa doanh nghiệp hai nước thông qua các chương trình hỗ trợ từ phía các cơ quan của hai chính phủ. Hoạt động xúc tiến đầu tư cũng góp phần tạo ra các kênh kết nối giữa doanh nghiệp hai nước. Nhà nước nên chuyển các kênh xúc tiến về hợp tác đầu tư về một đầu mối (ví dụ có thể giao cho VCCI) để làm đối tác kết nối với các tổ chức của Hàn Quốc như KOTRA, KITA trong việc hỗ trợ hoạt động giao thương, đầu tư của các doanh nghiệp hai nước. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (các năm từ 1991-2006). *Dữ liệu thống kê về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*
2. Basnett, Y., et al. (2012). *Increasing the effectiveness of Aid for Trade: the Circumstances under which it works best*, ODI Working Paper 353, August, Overseas Development Institute, London, www.odi.org.uk/publications/6771-increasing-effectiveness-aid-trade
3. Cali, M. and D.W. te Velde (2010). *Does Aid for Trade Really Improve Trade Performance?*, World Development, Vol. 39(5), 725-740
4. EDCF (2016). *Data and Statistics, Operational Results*
5. Kang, S. J., Lee, H., & Park, B. (2011). *Does Korea follow Japan in foreign aid? Relationships between aid and foreign investment*, Japan & The World Economy, 2319-27. doi:10.1016/j.japwor.2010.06.00
6. M.Karakaplan, B.Neyapti and S.Sayek (2005). *Aid and foreign Direct Investment*
7. Kimura, H., & Todo, Y. (2010). *Is Foreign Aid a Vanguard of Foreign Direct Investment? A Gravity-Equation Approach*, World Development, 38(4), 482-497 doi:<http://dx.doi.org/10.1016/j.worlddev.2009.10.005>
8. KOICA (2016). Statistics, link: <http://stat.koica.go.kr/ipm/os/acms/areaEacoEacoDetailList.do?lang=en>
9. Kosack, S., & Tobin, J. (2006). *Funding Self-Sustaining Development: The Role of Aid, FDI and Government in Economic Success*, International Organization, 60(1), 205-2
10. Hang Pham (2015). *The Impact of Official Development Assistance on Foreign Direct Investment: Evidence from Vietnam*, Master Thesis, The University of San Francisco
11. Helble, M., C. Mann and J. Wilson (2012). Aid for Trade Facilitation, *Review of World Economics*, Vol. 148, Issue 2, 357-376
12. Jansky, P. (2012). Aid and Foreign Direct Investment: Substitutes, Complements or Neither?, *International Journal Of Trade And Global Markets*, 5(2), 119-132
13. Selaya, P., & Sunesen E. R. (2012). Does Foreign Aid Increase Foreign Direct Investment?, *World Development*, 40(11), 2155-2176
14. WB (2017). Indicators
15. WTO (2013). *Aid for trade at a glance 2013: connecting to value chains*, chapter 5: evaluating the effectiveness of aid for trade, 145-171
16. Yasin, M. (2005). Official Development Assistance and Foreign Direct Investment Flows to Sub-Saharan Africa, *African Development Review*, 17(1), 23-40. doi:10.1111/j.10176772.2005.00105